

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: /QĐ-UBND-HC

**CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp Khóa XI về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND-HC ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành Tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án; định kỳ hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT (b/cáo);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh (b/cáo);
- BCSD/UBND Tỉnh (b/cáo);
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, THVX. Thg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 1

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN..... 1

PHẦN II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỐ HOÁ TRONG NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP

I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, NHÂN SỰ 1

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG 2

1. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường 2

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức dạy học, kiểm tra, đánh giá tại cơ sở giáo dục phù hợp với thực tiễn 3

3. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, bồi dưỡng: 4

4. Bảo đảm an toàn thông tin 4

5. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số..... 4

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN 5

1. Hạn chế..... 5

2. Nguyên nhân 5

PHẦN III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 5

II. MỤC TIÊU 6

1. Mục tiêu chung: 6

2. Mục tiêu đến năm 2025..... 6

3. Định hướng đến năm 2030..... 7

| | |
|--|-----------|
| III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU | 7 |
| 1. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính quyền điện tử..... | 7 |
| 2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo..... | 8 |
| 3. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra và nghiên cứu khoa học | 8 |
| 4. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục..... | 9 |
| 5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo..... | 10 |
| 6. Tăng cường giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục..... | 11 |
| IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN | 11 |
| 1. Nguồn kinh phí..... | 11 |
| 2. Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022 - 2025 | 11 |
| V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN..... | 11 |
| 1. Đánh giá tính khả thi của Đề án..... | 11 |
| 2. Đánh giá tác động của Đề án | 12 |
| VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN | 13 |
| 1. Sở Giáo dục và Đào tạo | 13 |
| 2. Sở Thông tin và Truyền thông | 13 |
| 3. Sở Tài chính | 13 |
| 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư | 13 |
| 5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố..... | 14 |
| Phụ lục I. Các văn bản của Trung ương, tỉnh Đồng Tháp | |
| Phụ lục II. Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên triển khai | |
| Phụ lục III. Danh mục nhiệm vụ, nhu cầu vốn và phân kỳ đầu tư | |

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó, giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số thứ 2 sau lĩnh vực y tế. Điều đó cho thấy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quá trình quản lý, giảng dạy và học tập nhằm thay đổi toàn diện cách thức hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ sở giáo dục, thay đổi phương thức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Sự đổi mới này đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của học sinh, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả dạy học trong các cơ sở giáo dục. Những năm gần đây, ngành giáo dục Đồng Tháp đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập nhưng vẫn còn rời rạc, chưa đồng bộ.

Đại dịch COVID-19 tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ngành giáo dục chịu ảnh hưởng trực tiếp, đồng thời, là cơ hội, động lực giáo viên, học sinh thực hiện chuyển đổi số để thích ứng thực tiễn. Do vậy, việc xây dựng Đề án “Chuyển đổi số ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp” là cấp thiết, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong tình hình mới.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN (Chi tiết Phụ lục I kèm theo)

PHẦN II

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỐ HOÁ TRONG NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP

I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, NHÂN SỰ

- Toàn tỉnh hiện có 608 cơ sở giáo dục công lập: 175 trường mầm non, mẫu giáo; 253 trường tiểu học; 134 trường trung học cơ sở (THCS), trong đó có 12 trường liên cấp tiểu học và THCS; 43 trường Trung học phổ thông (THPT),

trong đó có 07 trường liên cấp (*THCS và THPT*); 02 trung tâm Giáo dục thường xuyên (*GDTX*); 01 Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật.

- Tổng số nhóm/lớp học: 10.613 (*1.989 nhóm/lớp mầm non, 4.906 lớp tiểu học, 2.512 lớp THCS, 1.103 lớp THPT và 103 lớp GDTX*) với 325.386 học sinh, học viên (*42.384 cháu mầm non, 135.845 học sinh tiểu học, 99.201 học sinh THCS, 43.225 học sinh THPT và 4.731 học viên GDTX*).

- Có 97% (*19.925/20.617*) cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản trở lên; 87% (*14.946/17.188*) giáo viên sử dụng thành thạo các ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học. Hầu hết các cơ sở giáo dục đều có phân công cán bộ quản lý, nhân viên (*hoặc giáo viên kiêm nhiệm*) phụ trách lĩnh vực ứng dụng Công nghệ thông tin trong nhà trường.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục, giúp giảm thời gian và chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức và cá nhân. Hiện, 100% thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường mạng qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 47/48 thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh (*qlvb.dongthap.gov.vn*), liên thông với Bộ Giáo dục và Đào tạo trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Hiện, 100% các văn bản đi, đến trao đổi bằng văn bản điện tử (*trừ văn bản mật*); quản lý cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục tại trang <http://csdl.moet.gov.vn>; số hóa, gắn mã định danh hầu hết các đối tượng cần quản lý của ngành giáo dục (*608 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX*); tổ chức tập huấn giáo viên qua Internet theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017; sử dụng các phần mềm phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục, cụ thể như: Quản lý trường học trực tuyến (*VnEdu*), quản lý tài sản, kế toán (*Misa*), phần mềm tính khẩu phần ăn dinh dưỡng cho trẻ mầm non, quản lý thư viện, quản lý câu hỏi thi (*InTest*), phần mềm xếp thời khoá biểu, phần mềm chấm thi trắc nghiệm...; có 37% (*224/608*) cơ sở giáo dục triển khai thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt; sử dụng sổ sách điện tử trong đơn vị trường học, tin học hóa hồ sơ sổ sách của giáo viên như: Phiếu điểm giáo viên bộ môn, phiếu liên lạc học sinh, thống kê 2 mặt giáo dục, thống kê kết quả giảng dạy, sổ liên lạc điện tử, sổ quản lý lịch báo giảng, sổ gọi tên ghi điểm, học bạ điện tử... được thực hiện và in ấn, đóng tập hồ sơ lưu trữ lâu dài.

- Triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa cha mẹ học sinh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục: Hầu hết các cơ sở giáo dục đều có kênh tương tác, liên lạc với cha mẹ học sinh thông qua các nền tảng OTT như Zalo, Facebook, Viber. Tỷ lệ trường học có website: 65% (113/175) trường mầm non, 70% (176/253) trường Tiểu học, 90% (121/134) trường THCS, 100% (45/45) trường THPT, trung tâm GDTX.

- Hệ thống hội nghị trực tuyến phát huy hiệu quả, nhất là giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19; hệ thống camera giám sát hoạt động tại các khu vực trong nhà trường được các đơn vị chủ động đầu tư để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành. Hiện có, 73% (443/608) cơ sở giáo dục trang bị hệ thống camera giám sát;

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức dạy học, kiểm tra, đánh giá tại cơ sở giáo dục phù hợp với thực tiễn

- Các cơ sở giáo dục tăng cường áp dụng hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 và các văn bản hướng dẫn phù hợp với điều kiện, nhu cầu của các cơ sở giáo dục.

- Phát động phong trào sưu tầm, tự xây dựng và chia sẻ các video hướng dẫn cha mẹ chăm sóc trẻ tại nhà thông qua website, kênh youtube của các trường mầm non, mẫu giáo (*thu thập được 2.484 video hướng dẫn*); triển khai tổ chức dạy học trên Đài truyền hình Đồng Tháp chương trình lớp 9 và lớp 12 trong thời điểm dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

- Các trường phổ thông, trung tâm GDTX triển khai dạy học trực tuyến, đồng thời, tập huấn cho giáo viên và cán bộ quản lý về kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến: Ứng dụng các hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS, các phần mềm Google Meet, Zoom, MS Teams...và các kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật trong quá trình dạy học trực tuyến; phối hợp với phụ huynh học sinh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến như: hướng dẫn học sinh tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình trong triển khai các hoạt động giáo dục.

- Thí điểm đồng bộ cơ sở dữ liệu hệ sinh thái quản lý trường học VnEdu (*Tập đoàn VNPT cung cấp*) theo mã định danh và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hướng đến việc sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến có sự thống nhất, đồng bộ trên nền tảng dùng chung của cả nước.

- Triển khai mô hình giáo dục STEM tại một số cơ sở giáo dục tiểu học, trung học trên địa bàn thành phố Cao Lãnh; tập huấn cho gần 400 cán bộ quản lý

từ mầm non đến cấp THPT về mô hình giáo dục STEM/STEAM; thành lập 02 câu lạc bộ STEM tại 02 trường THPT chuyên trên địa bàn tỉnh.

3. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- 100% giáo viên được cung cấp tài khoản trên hệ thống tập huấn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ trao đổi kinh nghiệm, sinh hoạt chuyên môn; tập huấn bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tập huấn sử dụng sách giáo khoa qua hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến;

- Đa số các hội nghị, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn của các cấp học đều thực hiện bằng hình thức trực tuyến đến các giáo viên tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Tỉnh.

4. Bảo đảm an toàn thông tin: Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân...; thường xuyên cập nhật các lỗi trên hệ thống phần mềm. Đến nay, chưa có các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

5. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Tăng cường bố trí kinh phí mua sắm, nâng cấp trang thiết bị phục vụ dạy học môn Tin học, ngoại ngữ, ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học. Kết quả:

- Có 69% (120/175) trường mầm non, mẫu giáo có máy tính thực hành giúp trẻ vừa học, vừa chơi và làm quen với máy tính; 74% (188/253) trường tiểu học, 100% (134/134) trường THCS, 100% (45/45) trường THPT, trung tâm GDTX có phòng bộ môn Tin học (*máy tính thực hành*).

- Có 44% (111/253) trường tiểu học, 43% (57/134) trường THCS, 100% (45/45) trường THPT, trung tâm GDTX được đầu tư thiết bị phòng học bộ môn ngoại ngữ (*tivi tương tác, hệ thống âm thanh, phần mềm dạy học tiếng Anh*).

- Có 58% (102/175) trường mầm non, 65% (164/253) trường tiểu học, 61% (82/134) trường THCS, 100% (45/45) trường THPT, trung tâm GDTX có bố trí phòng họp trực tuyến.

- Có 100% (608/608) các cơ sở giáo dục có kết nối Internet tốc độ cao (*cáp quang FTTH*) phục vụ công tác quản lý, dạy học.

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Các cơ sở giáo dục sử dụng nhiều phần mềm quản lý trường với chức năng tương đồng nhưng chưa có sự liên thông đồng bộ với nhau; chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong tuyển sinh đầu cấp (*Đăng ký tuyển sinh và quản lý tuyển sinh*).

- Nguồn tài nguyên, học liệu của ngành để phục vụ cho dạy học, thi, kiểm tra chưa phong phú; việc khai thác và sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong dạy và học chưa phát huy hết hiệu quả; chưa thực hiện việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trực tuyến quy mô cấp tỉnh.

- Một số ít viên chức làm công tác văn phòng, thống kê còn yếu về kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin; số ít giáo viên chưa tích cực ứng dụng Công nghệ thông tin vào giảng dạy, hạn chế về kỹ năng, kiến thức bảo đảm an toàn thông tin trên mạng.

2. Nguyên nhân

- Nguồn lực đầu tư trang thiết bị phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, các cơ sở giáo dục chủ yếu sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục, nguồn vốn tự chủ của đơn vị để thực hiện. Do vậy, không có sự đầu tư đồng bộ, đồng loạt mà việc triển khai, áp dụng mang tính tự phát. Ghép nối một cách rời rạc với nhau. Việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị rải rác qua nhiều thời kỳ khác nhau và thường tập trung nhiều nhất vào nhu cầu cấp thiết là máy chủ, máy tính và thiết bị ngoại vi.

- Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên lớn tuổi không tích cực ứng dụng Công nghệ thông tin vào giảng dạy, ngại thay đổi.

PHẦN III NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục tạo sự đột phá về phương thức quản lý, điều hành và hoạt động dạy học; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả giáo dục. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số ngành Giáo dục.

- Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ với Đề án Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp, định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tận dụng công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, gắn kết giữa nhà trường và gia đình, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế và xã hội số; bảo đảm thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) *Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi giáo viên, người học*

- *Về tiếp cận giáo dục trực tuyến:* 50% học sinh, học viên và mỗi giáo viên có đủ điều kiện (*phương tiện, đường truyền, phần mềm*) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy học trực tuyến; 50% trường THPT, THCS triển khai các khoá đào tạo kiến thức số, kỹ năng số với 30% học sinh phổ thông tham gia.

- *Về môi trường dạy học trực tuyến:* Hình thành kho học liệu dạy học trực tuyến cấp tỉnh đáp ứng nhu cầu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- *Về quy mô hoạt động dạy học trực tuyến:* 60% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện giảng dạy và học tập trên môi trường số; tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

- *Về triển khai mô hình dạy học STEM/STEAM:* 40% cơ sở giáo dục phổ thông có triển khai đào tạo áp dụng mô hình giáo dục STEM/STEAM với 30% học sinh tham gia, ưu tiên các địa bàn xây dựng nông thôn mới.

b) *Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục*

- *Về quản trị trường học:* Tối thiểu 70% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở. Trong đó, 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ với mã định danh thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- *Về quản lý giáo dục*: Đến năm 2023, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kết nối liên thông dữ liệu dùng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu ngành được kết nối thông suốt với tất cả cơ sở giáo dục bảo đảm cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Công tác điều hành từ cơ quan quản lý đến các cơ sở giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số trong đó 80% hồ sơ công việc được giải quyết trên môi trường số (*không bao gồm các loại hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

- *Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân*: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán*); tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%; tỷ lệ người học, cha mẹ học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 90%.

3. Định hướng đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và giáo viên tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình phổ thông.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với cơ sở dữ liệu, Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh (*Intelligent Operation Center - IOC*).

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính quyền điện tử

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên bảo đảm 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (*giáo dục STEM/STEAM*), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, bảo đảm an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; bảo đảm kết nối Internet cấp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên; Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (*Lab*) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (*VR*) và thực tế tăng cường (*AR*), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

3. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra và nghiên cứu khoa học

a) **Đổi mới mô hình dạy - học:** Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (*lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo*) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

b) **Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung:** Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện

tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

c) Ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy - học: Ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập các thể hoá và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

4. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Đẩy mạnh các dịch vụ công kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu bảo đảm phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục Đồng Tháp (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin giáo dục cấp tỉnh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; bảo đảm kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, bảo đảm kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về Công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng Công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm Công nghệ thông tin cơ bản (*máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng*) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Tăng cường giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Tổ chức đánh giá và công bố kết quả kiểm tra, giám sát của các cơ sở giáo dục để có cơ sở đôn đốc, thúc đẩy và tháo gỡ khó khăn cũng như đề xuất khen thưởng các cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt.

(Chi tiết Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn tài chính của các cơ quan, đơn vị, nguồn xã hội hóa. Đồng thời, đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng lồng ghép vào các kế hoạch, chương trình liên quan để tổ chức thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2023 - 2025

Khái toán kinh phí Đề án là **147.060** triệu đồng, cụ thể như sau:

- Nguồn đầu tư phát triển: 64.500 triệu đồng.
- Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách huyện/thành phố: 17.640 triệu đồng.
- Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo: 1.020 triệu đồng.
- Nguồn tài chính của các trường (*chi thường xuyên*): 3.900 triệu đồng.
- Nguồn xã hội hóa: 60.000 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục III kèm theo)

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đánh giá tính khả thi của Đề án

- Việc thống nhất quan điểm, định hướng, nhận thức, tầm nhìn về chuyển đổi số sẽ tạo được sự đồng thuận toàn xã hội để thực hiện Đề án.

- Với mục tiêu, lộ trình thực hiện rõ ràng kết hợp sự phân công nhiệm vụ cụ thể sẽ giúp cho việc kiểm tra, giám sát được dễ dàng. Đây là yếu tố bảo đảm sự thành công triển khai Đề án.

- Các nội dung, giải pháp của Đề án được kế thừa, học tập, tham khảo áp dụng cách làm hay, mô hình sáng tạo đã triển khai qua thực tiễn; bảo đảm tính khả thi trong đồng bộ, chia sẻ, kết nối với dữ liệu tập trung của tỉnh.

- Đề án góp phần nâng cao chất lượng và hình ảnh giáo dục tỉnh Đồng Tháp, đưa giáo dục Đồng Tháp tiếp cận hướng giáo dục hiện đại từng bước tiếp cận và hội nhập quốc tế, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, tạo nguồn nhân lực số, công dân số.

2. Đánh giá tác động của Đề án

a) Tác động tích cực

- Đối với người học: Chuyển đổi số giúp người học bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ, đào tạo; không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lí, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người học.

- Đối với cơ sở giáo dục: Giúp nâng cao chất lượng giáo dục, giảm chi phí quản lý điều hành, tăng năng suất lao động. Chuyển đổi số áp dụng những mô hình giáo dục mới, những phương pháp giáo dục mới.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục: Chuyển đổi số giúp điều hành công việc nhanh chóng nhờ chuyển đổi nhận thức và các công cụ hỗ trợ công tác chỉ đạo, ra quyết định; nhanh chóng ra quyết định với đầy đủ thông tin, tài nguyên và nguồn lực, theo quy trình chuẩn hóa và kịch bản đã được chuẩn bị; tự động hóa thu thập, phân tích, thống kê, tổng hợp dữ liệu số, dữ liệu đa phương tiện... hình thành các phân hệ hỗ trợ dự báo thông minh, hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo. Chuyển đổi số giúp chính quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn và minh bạch hơn.

- Đối với xã hội: Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao chất lượng học tập, là công cụ giúp hỗ trợ học tập suốt của mọi tầng lớp nhân dân. Giáo dục thông minh góp phần phát triển xã hội của tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại và an toàn.

b) Một số tác động không mong muốn và hướng khắc phục

- Một số tác động không mong muốn khi chuyển đổi số: Sự bảo mật Quyền riêng tư của người học, người dạy dễ bị xâm phạm; vấn đề tin giả, thông

tin không chính xác và các bài đăng cực đoan trên môi trường mạng ảnh hưởng đến môi trường giáo dục.

- Giải pháp khắc phục: Tăng cường bảo mật an toàn thông tin cho người học, người dạy, xây dựng các quy định về chia sẻ dữ liệu, xác thực điện tử; về bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân; ban hành bộ quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, xây dựng hệ thống thu thập, phân tích, xử lý thông tin trên môi trường mạng để kịp thời phát hiện những thông tin xấu, độc, giả mạo để cảnh báo cho người dân; tăng cường hoạt động thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về những lợi ích của chuyển đổi số và những hành vi phạm tội trên môi trường số để người tăng cường đề cao cảnh giác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ thông tin giới thiệu các nền tảng, giải pháp ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển hạ tầng số, hạ tầng Internet bảo đảm triển khai tốt các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan tuyên truyền rộng rãi nội dung Đề án trên các kênh thông tin; tư vấn các nền tảng, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tư vấn, hướng dẫn các quy định, quy trình về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin các hệ thống số hóa, ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

3. Sở Tài chính: Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối hằng năm; nguồn tài chính của đơn vị và nguồn xã hội hóa để thực hiện Đề án theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn để triển khai thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch, văn bản chỉ đạo việc thực hiện các nội dung của Đề án. Có các giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án ở địa phương; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết giai đoạn theo hướng dẫn, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Phụ lục I
CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

I. CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật Công nghệ thông tin theo Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 12 tháng 12 năm 2017;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;
- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”;
- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo (GDĐT) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*”;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”;

- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến.

II. CÁC VĂN BẢN CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 04-NQTU ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa XI về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch số 195-KH/TU ngày 28/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25 tháng 2 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQTU của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Khoá XI về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện Đề án “*Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Quyết định số 861/QĐ-UBND-HC ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|--|---|---------------------|---------|
| I | NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP TẠO NỀN TẢNG SỐ | | | |
| 1 | Chuyển đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm triển khai | | | |
| 1.1 | Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số | | Hàng năm | |
| 1.2 | Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử Sở. Chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. | | Hàng năm | |
| 3 | Phát triển hạ tầng | | | |
| 3.1 | Trang bị cơ sở vật chất phục vụ dạy học STEM/STEAM, đường truyền internet, thiết bị đầu cuối hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục phục vụ chuyển đổi số, lộ trình gắn liền với việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 | | 2023 - 2025 | |
| 4 | Phát triển dữ liệu số | | | |
| 4.1 | Phát triển Kho dữ liệu số dùng chung cho ngành giáo dục toàn tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh sử dụng. | Các cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non, thường xuyên | 2023 - 2025 | |
| 4.2 | Thu nhận, sử dụng và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành từ hệ thống chia sẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kho dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo. | | 2023 - 2030 | |
| 5 | Phát triển nền tảng số | | | |
| 5.1 | Xây dựng nền tảng dạy - học trực tuyến | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | |
| 6 | Phát triển nguồn nhân lực | | | |
| 6.1 | Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho giáo viên và cán bộ quản lý | Sở Thông tin và Truyền thông | Hàng năm | |
| 7 | Bảo đảm an toàn thông tin mạng | | | |
| 7.1 | Đào tạo, diễn tập ứng phó sự cố ATTT cho giáo viên chuyên trách/ kiêm nhiệm công nghệ thông tin | Các cơ sở giáo dục, Sở Thông tin và Truyền thông | Hàng năm | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|---|---------------------|---------|
| 8 | Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số | | | |
| 8.1 | Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý đăng ký thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyên đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | Hàng năm | |
| 8.2 | Huy động nguồn lực doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số giáo dục qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư. | Các DN viễn thông, công nghệ thông tin | Hàng năm | |
| II | NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ | | | |
| 1 | Triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức 4 ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật; cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | |
| 2 | Tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục với Sở Giáo dục và Đào tạo... | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | |
| 3 | Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục theo quy định. | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | |
| 4 | Áp dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (<i>Big Data Analytics</i>), trí tuệ nhân tạo (<i>AI</i>), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (<i>VR/AR</i>) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo. | Sở Thông tin và Truyền thông | 2025 - 2030 | |
| 5 | Hoàn thiện dữ liệu định danh điện tử cho giáo viên và học sinh theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông | 2023 - 2025 | |
| 6 | Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu thu thập được từ các cơ sở giáo dục. | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | |
| III | NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ, GIÁO DỤC SỐ | | | |
| 1 | Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (<i>giáo dục STEAM/STEAM/STEAME</i>) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin để học sinh có cơ hội nghiên cứu, tiếp cận. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số. | Các cơ sở giáo dục; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố | 2022 - 2025 | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---------|
| 2 | Hoàn thiện hệ thống học bạ điện tử của học sinh theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các cơ sở giáo dục; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố | Năm 2023 | |
| 3 | Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. | Các cơ sở giáo dục; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố | 2023 - 2025 | |
| 4 | Triển khai dạy và học trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trước khi đến lớp học. | Các cơ sở giáo dục; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố | 2023 - 2025 | |
| 5 | Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt cho tất cả các trường học | Các cơ sở giáo dục; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố | Hằng năm | |

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ, NHU CẦU VỐN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Hạng mục đầu tư | Khái toán kinh phí | Nguồn kinh phí | | | | | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------|-------------------|--|-------------------------------------|---|------------|---------------------|--|
| | | | Đầu tư phát triển | Sự nghiệp GDDT theo phân cấp ngân sách cấp huyện/thành phố | Sự nghiệp GDDT hàng năm của Sở GDDT | Tài chính của các trường (chi thường xuyên) | Xã hội hoá | | |
| I | HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | | | | | | | | |
| 1 | Thiết bị phòng họp trực tuyến | 12.690 | | 12.690 | | | | 2023 - 2025 | |
| 2 | Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/ STEAM | 45.000 | 45.000 | | | | | | Ưu tiên các cơ sở giáo dục phổ thông trên các địa bàn đang xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu |
| 3 | Hệ thống camera giám sát | 4.950 | | 4.950 | | | | | |
| II | NỀN TẢNG ỨNG DỤNG | | | | | | | | |
| 1 | Hệ thống thông tin ngành giáo dục | 10.000 | 10.000 | | | | | 2023 - 2025 | |
| 2 | Phần mềm quản lý thư viện (cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên) | 3.900 | | | | 3.900 | | 2023 - 2025 | |
| 3 | Phần mềm quản lý thiết bị | - | - | - | - | - | - | 2023 - 2025 | Sử dụng từ dự án http://qltb.dongthap.gov.vn |
| 4 | Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến tỉnh | 9.500 | 9.500 | | | | | 2024 - 2025 | |
| 5 | Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt cho tất cả các trường | 10.000 | | | | | 10.000 | 2023 - 2025 | |
| 6 | Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. | 50.000 | | | | | 50.000 | 2023 - 2025 | |
| 7 | Chữ ký số cho tất cả cán bộ quản lý | - | - | - | - | - | - | 2023 - 2025 | Ban cơ yếu cấp |

| TT | Hạng mục đầu tư | Khái toán kinh phí | Nguồn kinh phí | | | | Xã hội hoá | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|-------------------|--|-------------------------------------|---|---------------|---------------------|---------|
| | | | Đầu tư phát triển | Sự nghiệp GDDT theo phân cấp ngân sách cấp huyện/thành phố | Sự nghiệp GDDT hàng năm của Sở GDDT | Tài chính của các trường (chi thường xuyên) | | | |
| III | ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN | | | | | | | | |
| 1 | Hội nghị, hội thảo triển khai, cập nhật các nội dung chuyên đổi số | 80 | | | 80 | | | 2023 - 2025 | |
| 2 | Tập huấn kỹ năng quản trị nhà trường trên môi trường số | 80 | | | 80 | | | 2023 - 2025 | |
| 3 | Tập huấn kỹ năng sử dụng các hệ thống phần mềm hỗ trợ dạy học | 80 | | | 80 | | | 2023 - 2025 | |
| 4 | Tập huấn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng | 80 | | | 80 | | | 2023 - 2025 | |
| 5 | Tập huấn triển khai giáo dục STEM/STEAM cho giáo viên từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông | 700 | | | 700 | | | 2023 - 2025 | |
| | TỔNG CỘNG | 147.060 | 64.500 | 17.640 | 1.020 | 3.900 | 60.000 | | |